

Bản án số: 56/2023/HS-ST
Ngày: 19-5-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quang Cường

Thẩm phán: ông Bùi Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Vũ Xuân Kiều, bà Trần Thị Thu Hoài, bà Đàm Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Đức Bình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà Trương Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 05 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2023/HS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Vũ Huy T; sinh ngày: 20/11/1971 tại U, Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ B, khu E, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Vũ Văn Q và bà Phan Thị Q1; không có vợ (vì đã ly hôn), có 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt ngày 23/12/2022, hiện tạm giam. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Mai Thị L – Công ty L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q, vắng mặt (có bản bào chữa gửi cho Tòa án trước xét xử).

- *Bị hại:* anh Phạm Văn H, sinh năm 1989; nơi cư trú: số nhà B B đường H, khu E phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* chị Phạm Thanh T1 (vợ anh H) nơi cư trú: số B đường H, khu E phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- *Những người làm chứng:* vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3/2019, Vũ Huy T mua thửa đất số 308 tờ bản đồ số 17, diện tích 1183,3m² tại thôn H, xã H, thành phố M của gia đình ông Phạm Văn Q2 với giá 900.000.000đồng, nhưng chưa làm hợp đồng chuyển nhượng. Đến ngày 17/7/2020

UBND thành phố M cấp giấy CNQSDĐ số phát hành CT 938058, số vào sổ CH01046 cho ông Phạm Văn Q2. Gia đình ông Q2 đã giao giấy CNQSDĐ nêu trên cho T quản lý. Ngày 05/8/2020, T bán thửa đất mua của ông Q2 cho anh Lê Văn N với giá ghi trên hợp đồng là 200.000.000đồng (thực tế giá hai bên mua bán là 02 tỷ) đồng thời T giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật mang tên ông Q2 cho ông N quản lý.

Đầu tháng 9/2020, T đặt vấn đề với anh Phạm Văn H vay của anh H 1.500.000.000đồng. Anh H yêu cầu T phải có tài sản thế chấp. T dẫn anh H đi xem thửa đất nêu trên, giới thiệu là đất của T mua lại của ông Phạm Văn Q2 chưa sang tên, anh H đồng ý cho T vay tiền nhưng yêu cầu Q2 phải làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất này cho anh H, nếu T không trả tiền cho anh H thì anh H làm thủ tục sang tên anh H. T đồng ý. Sau đó, thông qua mạng xã hội zalo, T cung cấp thông tin, đặt mua của 01 đối tượng không quen biết giấy CNQSDĐ giả mang tên ông Phạm Văn Q2 với giá 20.000.000 đồng. Sau khi có giấy CNQSDĐ giả, ngày 16/9/2020, T mời Văn phòng C (Địa chỉ: Y, thị xã Q) làm thủ tục làm hợp đồng chuyển nhượng lại thửa đất số 308 tờ 17 nêu trên cho vợ chồng anh Phạm Văn H, chị Phạm Thanh T1. T đưa cho anh Lê Văn T2 công chứng viên và anh Vũ Văn Q3 là cán bộ giúp việc cho anh T2 xem giấy CNQSDĐ giả, số phát hành CT938058, số vào sổ CH1046, ngày cấp 17/7/2020, mang tên ông Phạm Văn Q2. Anh Tú, anh Q2 tưởng giấy CNQSDĐ là thật, nên tiến hành các thủ tục, đồng thời T dẫn anh Q2 đi kiểm tra thực địa thửa đất số 308 tờ 17. Sau đó, anh T2, anh Q2 đã tiến hành làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy CNQSDĐ giả nêu trên cho vợ chồng anh H, chị T1. Nội dung hợp đồng ghi: Ông Phạm Văn Q2 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh H, chị T1, giá 50.000.000đồng. T giao cho anh H giấy CNQSDĐ giả mang tên ông Phạm Văn Q2 nêu trên. Sau đó, anh H đã chuyển 1.468.000.000đồng cho T. Số tiền chiếm đoạt được của anh H, T sử dụng chi tiêu cá nhân và trả nợ, rồi bỏ trốn sang Trung Quốc.

Ngày 12/4/2021, anh Lê Văn N được UBND thành phố M cấp Giấy CNQSDĐ mang tên Lê Văn N, thu hồi giấy CNQSDĐ mang tên Phạm Văn Q2.

Ngày 15/4/2021, anh Phạm Văn H mang Giấy CNQSDĐ giả T giao cho, đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố M làm thủ tục sang tên, do nghi ngờ là tài liệu làm giả, nên bị giữ lại chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố M giải quyết.

Tại Bản kết luận định giám định số 1010 ngày 08/6/2021 của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận: Giấy CNQSDĐ số phát hành CT938058, số vào sổ CH1046, ngày cấp 17/7/2020, mang tên ông Phạm Văn Q2 thu giữ của anh Phạm Văn H, gửi giám định là giả.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Phạm Văn H yêu cầu Vũ Huy T phải trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt là 1.468.000.000đồng (bị cáo chưa trả lại cho anh H).

Bản cáo trạng số 39/CT-VKSQN-P2 ngày 30/03/2023 của Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Vũ Huy T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận bị truy tố, xét xử về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” là đúng, không oan. Lời khai của bị cáo tại cơ quan Công an là chính xác, khách quan. Khi hỏi cung có sự tham gia của Luật sư. Bị cáo đồng ý trả lại anh H số tiền đã chiếm đoạt là 1.468.000.000đồng.

Ý kiến của bị hại tại đơn đề nghị xử vắng mặt: về hình phạt đề nghị xử bị cáo T thật nặng. Về bồi thường yêu cầu bị cáo trả lại số tiền chiếm đoạt.

Quan điểm của Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Quảng Ninh: tại phiên tòa bị cáo thừa nhận bị Viện kiểm sát truy tố về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” là đúng, lời thừa nhận của bị cáo phù hợp với kết quả điều tra. Nên về tội danh Viện kiểm sát giữ nguyên như bản cáo trạng đã truy tố. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo từ 13 đến 14 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “*Làm giả, sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” tổng hợp hình phạt từ 16 năm đến 17 năm 6 tháng tù, xử lý án phí theo quy định của pháp luật. Buộc bị cáo phải trả lại số tiền chiếm đoạt là 1.468.000.000đồng cho anh Phạm Văn H, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo: về tội danh, điều luật VKS áp dụng truy tố bị cáo, Luật sư không ý kiến gì. Về hình phạt đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo khai báo thành khẩn, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố bị cáo có công với cách mạng.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các cơ quan tiến hành tố tụng đã mời Luật sư bào chữa cho bị cáo. Tuy nhiên Luật sư vắng mặt tại phiên tòa vì lý do sức khỏe. Bị cáo cũng đồng ý xét xử vắng mặt Luật sư, nên căn cứ Điều 291 Bộ luật tố tụng Hình sự. Tòa án xét xử vắng mặt Luật sư bào chữa cho bị cáo.

Người bị hại, người liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vì họ đã được trình bày ý kiến, quan điểm trong quá trình điều tra, nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự. Tòa án xét xử vắng mặt bị hại người liên quan.

[2] Về tội danh: căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra, lời khai của người bị hại, nhân chứng, kết quả nhận dạng, kết quả xác minh, sao kê tài khoản, hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, vật chứng là “Giấy CNQSDĐ số phát hành CT938058, sổ vào sổ CH1046, ngày cấp 17/7/2020, mang tên ông Phạm Văn Q2”; kết luận định giá định số 1010 ngày 08/6/2021 của Phòng K Công an tỉnh Q và một số chứng cứ khác. Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận: thửa đất số 308 tờ bản đồ số 17, diện tích 1183,3m² tại thôn H, xã H, thành phố M mang tên

Phạm Văn Q2 là của bị cáo T (do T mua của ông Q2 mà có). Ngày 05/8/2020, T đã chuyển nhượng thửa đất này cho anh Lê Văn N với giá 02 tỷ đồng. T đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật mang tên ông Q2 cho anh N quản lý. Đến khoảng tháng 8/2020, thông qua mạng xã hội, T thuê một người không quen biết làm giả giấy CNQSDĐ số phát hành CT938058, số vào sổ CH1046, ngày cấp 17/7/2020, mang tên ông Phạm Văn Q2 đối với thửa đất số 308 tờ bản đồ số 17, diện tích 1183,3m² tại thôn H, xã H, thành phố M. Đến ngày 16/9/2020, T sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên để làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 308 tờ bản đồ số 17, diện tích 1183,3m² tại thôn H, xã H, thành phố M (mà trước đó T đã bán cho anh N) cho anh Phạm Văn H để lấy số tiền 1.468.000.000đ.

Như vậy bị cáo T đã có hành vi thuê người làm giả và sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để bán thửa đất không còn là của mình cho anh H (vì thửa đất này T đã bán cho anh N lấy 02 tỷ đồng) để chiếm đoạt của anh H 1.468.000.000đ. Hành vi của bị cáo T đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, gây ảnh hưởng đến hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác. Do đó hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” đúng như truy tố của Viện kiểm sát.

Viện kiểm sát truy tố bị cáo với tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng trở lên thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng vì bị cáo chiếm đoạt của bị hại 1.468.000.000đ.

Viện kiểm sát truy tố bị cáo với tình tiết định khung “*Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là đúng vì căn cứ Điều 9 và khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự thì tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

[3] Về tình tiết tăng nặng: không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Bị cáo có công với cách mạng.

[5] Về trả lại tiền chiếm đoạt: bị cáo là người chiếm đoạt bất hợp pháp của bị hại với số tiền 1.468.000.000đ, nên theo Điều 48 BLHS thì bị cáo có nghĩa vụ trả lại cho bị hại.

[6] Về vật chứng: không có.

[7] Về án phí: bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: bị cáo Vũ Huy T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Vũ Huy T 12 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 03 năm tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Vũ Huy T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 15 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 23/12/2022.

- Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự: buộc bị cáo Vũ Huy T phải trả lại bị hại là anh Phạm Văn H số tiền 1.468.000.000đ (Một tỷ bốn trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

- Về án phí: căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí: buộc bị cáo Vũ Huy T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 56.040.000đ (Năm mươi sáu triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự.

Báo cho bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- Người tham gia tt khác;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Quảng Ninh;
- TTG CA tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Cường